

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/DS-ST
Ngày: 17-03-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành
2. Bà Trần Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Gia Hân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Từ ngày 16 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1 (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà HM T, số D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Tòa nhà H, số D N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên hệ: Số E L, phường G, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Số E L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T– Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đình A, ông Châu Văn V, ông Nguyễn Hồng T1 và ông Trần Thanh T2. Theo Quyết định ủy quyền số 846/23/BVBank/UQ-QL&THN ngày 14/12/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP B1 và Giấy ủy quyền số 1373/BVBank/ UQ-QL&THN ngày 21/7/2025.

Ông Châu Văn V có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc T3, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số B, khu V, Huỳnh Phan H, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (Nay là Số B, khu vực 4, Huỳnh Phan H, phường T, thành phố Cần Thơ).

Đại diện theo ủy quyền cho bà T3 là bà Nguyễn Thị C, theo hợp đồng ủy

quyền ngày 11/11/2025. Có mặt

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị C. Có mặt

Địa chỉ: Số B, khu V, Huỳnh Phan H, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (Nay là Số B, khu vực 4, Huỳnh Phan H, phường T, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1 (viết tắt là BV B2) có ký với bà Lê Thị Ngọc T3 các Hợp đồng tín dụng để vay vốn tại BV B2, chi tiết như sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0062100012300 ngày 04/05/2021:

- Số tiền vay: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: Bổ sung vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2094, tờ bản đồ số 39, địa chỉ: KDC N, đường L, khu V, phường B, TP ..
- Thời hạn vay: 204 tháng.
- Lãi suất vay: Được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ

2. Hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0062300021800 ngày 13/6/2023:

- Số tiền vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
- Mục đích vay: Thanh toán tiền sửa chữa nhà ở không làm thay đổi kết cấu tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 76, hẻm B đường H, phường T (nay là phường T), TP ..
- Thời hạn vay: 180 tháng.
- Lãi suất vay: Được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lê Thị Ngọc T3 4 (Bốn) Giấy nhận nợ, với tổng số tiền là 1.950.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

3. Bà Lê Thị Ngọc T3 đã ký với Ngân hàng Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng điện tử số 06921001343ĐT ngày 19/8/2021, theo đó BV B2 đã cấp hạn mức tín dụng cho bà Lê Thị Ngọc T3 là 90.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng)

Các khoản nợ trên được đảm bảo bằng biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà, các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 76, địa chỉ: đường H, phường T (nay là phường T), TP . thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AG 652464, số vào sổ cấp GCN QSD: H002545/TN do Ủy ban nhân dân quận B, TP . cấp ngày 30/01/2007.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0062100012400 ngày 04/5/2021, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh B, số công chứng: 4626, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HDGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận B, TP ..

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Ngọc T3 không trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng, dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, đốc thúc khách

hàng thanh toán nhưng đến nay bà Lê Thị Ngọc T3 vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Vì bà Lê Thị Ngọc T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp thẻ tín dụng, Giấy nhận nợ và các cam kết đã ký với Ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện buộc bà T3 trả nợ. Tính đến ngày 16/3/2026, tổng nghĩa vụ nợ của bà Lê Thị Ngọc T3 tại Ngân hàng là 2.137.385.571 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 1.705.155.304 đồng, nợ lãi là 432.230.267 đồng, chi tiết như sau:

- Dư nợ khoản vay: Gốc là 1.659.986.616 đồng, lãi là 428.656.991 đồng, tổng là 2.088.643.607 đồng.

- Dư nợ khoản thẻ: Gốc là 45.168.688 đồng, lãi là 3.573.276 đồng, tổng là 48.741.964 đồng.

Nay đại diện Ngân hàng yêu cầu tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Lê Thị Ngọc T3 phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 16/3/2026 là 2.137.385.571 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 1.705.155.304 đồng, nợ lãi là 432.230.267 đồng.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T3 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng điện tử và các cam kết đã ký với Ngân hàng tính kể từ ngày 17/3/2026 đến khi trả dứt nợ.

3. Trường hợp bà Lê Thị Ngọc T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng khác, các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số: 76, địa chỉ: đường H, phường T, Quận B, TP. (nay là phường T, thành phố Cần Thơ) thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AG 652464, số vào sổ cấp GCN QSD: H002545/TN do Ủy ban nhân dân quận B, TP. cấp ngày 30/01/2007

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng thì bà Lê Thị Ngọc T3 vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

5. Buộc bà Lê Thị Ngọc T3 phải chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng.

Phần trình bày của bà Nguyễn Thị C với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là đại diện ủy quyền cho bị đơn:

Bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà thừa nhận năm 2021 do có nhu cầu vay vốn để mua bất động sản nên bà C có nhờ bà Lê Thị Ngọc T3 là con gái của bà đứng tên hồ sơ vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 số tiền 1.800.000.000 đồng (*một tỷ tám trăm triệu đồng*), số tiền trên đã được giải ngân. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ bà C là người trả đều đặn và theo bà đến nay khoản nợ đã kết thúc vì bà đã trả dứt nợ cho Ngân hàng. Còn đối với số tiền 150.000.000 đồng và thẻ tín dụng 90.000.000 đồng bà C cho rằng bà T3 không vay mà Ngân hàng đã tự lập khống hồ sơ, giả chữ ký của bà T3 để

chiếm đoạt số tiền này. Do đó bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà C cho rằng Ngân hàng đã lập hồ sơ không đủ chiếm đoạt tiền của bà nên đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra để xem xét xử lý hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án do các bên đương sự không thống nhất được cách giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà C giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra để xem xét xử lý hình sự.

Đại diện Ngân hàng bổ sung Bảng tính lãi đến ngày 16/3/2026 (bản chính).

Bà C bổ sung lại các tài liệu (bản pho to) đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

Ngoài ra không ai bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu mới.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay là đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án xét xử đúng quan hệ tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng. Thành phần Hội đồng xét xử, nguyên tắc xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 yêu cầu bị đơn thanh toán nợ do vi phạm nghĩa vụ đã ký trong hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại phường T, thành phố Cần Thơ và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nợ gốc:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định ngày 04/5/2021 giữa Ngân hàng với bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số 0062100012300, vay số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng), thời hạn vay 204 tháng. Lãi suất cho vay: lãi suất cố định trong 12 tháng đầu tiên là 9,99%/năm, lãi suất nợ quá hạn: *Trường hợp phát sinh nợ quá hạn trong thời gian nhận nợ, khách hàng phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn và mức lãi suất chậm trả theo quy định của BVB tính trên lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.* Bà T3 đã được giải ngân theo Giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2021. Ngày 19/8/2021 bà Lê Thị Ngọc T3 tiếp tục ký Hợp đồng cấp thẻ tín

dụng theo số hợp đồng 06921001343ĐT với hạn mức được cấp tín dụng là 90.000.000 đồng. Thời gian sử dụng thẻ bà T3 đã sử dụng hết hạn mức, sau đó bà T3 đã không trả nợ theo quy định.

Và ngày 13/6/2023 bị đơn tiếp tục ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 0062300021800, vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng. Lãi suất cho vay: *lãi suất cố định trong 03 tháng đầu tiên là 10,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn: Trường hợp phát sinh nợ quá hạn trong thời gian nhận nợ, khách hàng phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn và mức lãi suất chậm trả theo quy định của BVB tính trên lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.* Bà T3 đã được giải ngân theo Giấy xác nhận nợ ngày 13/6/2023.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ. Tính đến nay bị đơn đã trả cho Ngân hàng với tổng số tiền gốc và lãi là 990.608.293 đồng (trong đó gốc 413.549.384 đồng và lãi 577.058.909 đồng). Sau đó bị đơn đã không thanh nợ cho Ngân hàng nữa. Tuy nhiên, do Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Ngân hàng N, *quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.* Căn cứ vào Thông tư này trường hợp của bà T3 đủ điều kiện được xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ và trước khi được xét hồ sơ Ngân hàng có làm việc với bà T3, bà C nên ngày 16/11/2023 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 – Chi nhánh C1, bà C, bà T3 có ký vào Biên bản làm việc với nội dung: *Hiện nay do gia đình gặp khó khăn, nguồn thu nhập bị giảm sút nên không thanh toán nợ đúng hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy tôi đề nghị Ngân hàng cơ cấu lại các khoản vay của tôi nhằm hỗ trợ tôi vượt qua giai đoạn khó khăn này* (Bút lục số 84). Vì vậy ngày 27/11/2023, ngày 29/7/2024 bà T3 đã được cơ cấu khoản vay. Dù vậy, sau khi hết thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ bà T3 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung đã ký kết trong các hợp đồng tín dụng cũng như Giấy nhận nợ.

Do bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng nên Ngân hàng được quyền khởi kiện để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Tính đến ngày 16/3/2026 bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc đối với hai khoản vay tín dụng là 1.659.986.616 đồng.

Đối với nợ gốc thẻ tín dụng là 45.168.688 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc bị đơn còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 16/3/2026 là 1.705.155.304 đồng.

[2.2] Về nợ lãi: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0062100012300 ngày 04/5/2021 và Hợp đồng tín dụng số 0062300021800 ngày 13/6/2023 với số tiền lãi là 428.656.991 đồng.

Đối với nợ lãi thẻ tín dụng là 3.573.276 đồng.

Tổng lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tính đến ngày 16/3/2026 là 432.230.267 đồng.

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng đã ký, bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, tuy nhiên đến hạn thanh toán nguyên đơn không thực hiện do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi là phù hợp.

Hơn nữa do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ trở thành nợ quá hạn, do đó yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp số 0062100012400 ngày 04/5/2021 thì bà Nguyễn Thị C có ký: BÊN THẾ CHẤP, tại phiên tòa bà C thừa nhận bà có dùng tài sản tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 76 đất tọa lạc tại đường H, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ) để đảm bảo cho khoản vay với số tiền 1.800.000.000 đồng do bà T3 ký với Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0062100012300 ngày 04/5/2021 và Hợp đồng tín dụng số 0062300021800 ngày 13/6/2023 thì bà C đều có ký vào hai hợp đồng này với tư cách BÊN BẢO ĐẢM. Như vậy thì tài sản tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 76 nêu trên cũng được đảm bảo cho các khoản vay của bà T3. Do đó bà C cho rằng tài sản thế chấp chỉ đảm bảo cho khoản vay 1.800.000.000 đồng là thiếu căn cứ, bởi các hợp đồng tín dụng ký giữa ngân hàng và bà T3 cũng như hợp đồng cấp thẻ tín dụng thì tài sản thế chấp đảm bảo cho toàn bộ các khoản vay của bà T3.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày trước khi tiến hành cho vay thì cán bộ ngân hàng có đến thẩm định tài sản và tại phiên tòa bà C cũng thừa nhận Ngân hàng có đến thẩm định tài sản thế chấp, bà C cũng thừa nhận tài sản thế chấp là của cá nhân bà đứng tên thuộc chủ quyền của bà.

Như vậy, Ngân hàng đã thực hiện thủ tục thẩm định tài sản, đã được đăng ký thế chấp là đúng quy định và người thế chấp là bà C có ký tên vào hợp đồng thế chấp. Do bị đơn bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thuộc trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thế chấp nêu trên nên yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp.

[3] Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị C đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra xem xét hành vi của Ngân hàng lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà C luôn có hành vi, thái độ thiếu tôn trọng Tòa án, không hợp tác và nhiều lần đề nghị xin hoãn phiên tòa cố tình gây khó khăn, kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày 16/3/2026 bà C cũng có lời nói, thái độ gây mất trật tự phiên tòa dù Chủ tọa phiên tòa và các vị Hội thẩm nhiều lần nhắc nhở nhưng bà C đã cố tình không chấp hành. Bên cạnh đó, qua các tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như bà C cung cấp thì như phân tích tại đoạn [1], [2] bà T3 có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, đồng thời tại buổi làm việc ngày 16/11/2023 thì bà C và bà T3 đều ký tên thống nhất số nợ và đề nghị Ngân hàng cơ cấu lại thời gian trả nợ. Điều này khẳng định các khoản vay của bà T3 là có thật.

Và vào ngày 29/11/2024 tại Ngân hàng B1 - Chi nhánh C1 thì bà T3 có ký tên xác nhận các tài liệu do Ngân hàng cung cấp, thống nhất nội dung các chứng từ và không có ý kiến gì thêm, dù bà C có mặt nhưng bà C không thống nhất các tài liệu do Ngân hàng cung cấp nên bà C đã không đồng ý ký vào biên bản làm việc (BL 80-81).

Về phía bà C cho rằng đã trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà C không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã trả hết nợ cho Ngân hàng, bà cho rằng do dịch Covid nên bà không

nhận bất cứ biên lai, phiếu thu nào về việc bà đã nộp tiền cho Ngân hàng, tuy nhiên theo sao kê của Ngân hàng thì đến thời điểm hiện tại bị đơn chỉ trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng gốc và lãi là 990.608.293 đồng (trong đó gốc 413.549.384 đồng và lãi 577.058.909 đồng).

Đối với yêu cầu chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết vì với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ chưa đủ cơ sở để xem xét yêu cầu của bà C. Trường hợp bà C có đủ chứng cứ tài liệu cho rằng Ngân hàng C2 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì bà có quyền nộp đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra để yêu cầu xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 74.747.711 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.775.144 đồng.

Bị đơn phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp số tiền này nên bị đơn có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần B1 đối với bị đơn – bà Lê Thị Ngọc T3.

2. Buộc bà Lê Thị Ngọc T3 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B1 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 16/3/2026 là **2.137.385.571 đồng** (*Hai tỷ một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi một đồng*), trong đó: nợ gốc là 1.705.155.304 đồng (*một tỷ bảy trăm lẻ năm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm lẻ bốn đồng*), nợ lãi là 432.230.267 đồng (*bốn trăm ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng*) và bị đơn tiếp tục thanh toán tiền lãi tương ứng với số tiền

và thời gian chưa thanh toán kể từ ngày 17/3/2026, mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp thẻ tín dụng và Giấy xác nhận nợ đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng với bị đơn bà Lê Thị Ngọc T3, người thế chấp bà Nguyễn Thị C để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng thì bà Lê Thị Ngọc T3 tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu 74.747.711 đồng (*bảy mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm mười một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ.

Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.775.144 đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 00005151 ngày 10/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV2 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV2 – Cần Thơ;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải